

MARKET LENS

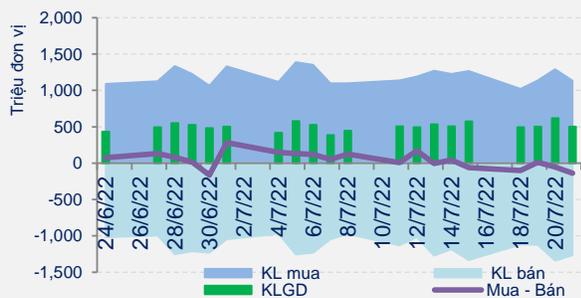
Phiên giao dịch ngày:

21/7/2022

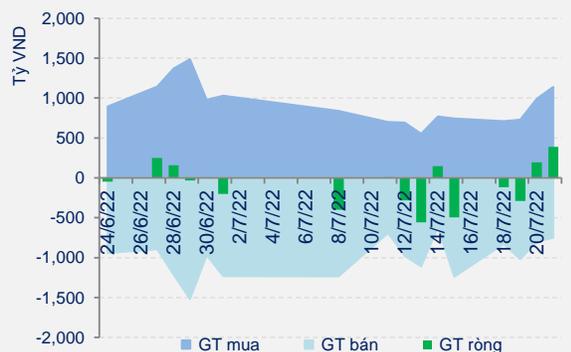
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,198.47	288.09
% Thay đổi	↑ 0.36%	↓ -0.27%
KLGD (CP)	503,352,253	64,587,034
GTGD (tỷ đồng)	12,103.45	1,213.63
Tổng cung (CP)	1,269,923,000	111,282,800
Tổng cầu (CP)	1,133,018,600	95,950,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	18,869,120	281,500
KL mua (CP)	30,414,300	251,800
GT mua (tỷ đồng)	1,141.99	7.31
GT bán (tỷ đồng)	753.61	6.22
GT ròng (tỷ đồng)	388.38	1.09

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index giao dịch cả phiên trong biên độ hẹp trên tham chiếu và kết phiên tăng nhẹ 4,33 điểm (0,36%) lên 1.198,47 điểm chủ yếu nhờ lực cầu gia tăng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30 (+0,79%) và duy trì tốt trong phiên đảo hạn phái sinh, kỳ hạn VN30F2207. HNX-INDEX giảm 0,78 điểm (-0,26%), đóng cửa tại 288,96 điểm. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên trước đó và tương đương trung bình 20 phiên gần nhất.

Độ rộng trên cả 2 sàn kém tích cực với 247 mã giảm / 197 mã tăng tại HOSE và 105 mã giảm / 86 mã tăng tại HNX

Nhóm cổ phiếu bán lẻ, tiêu dùng, thép, trong phiên hôm nay nổi bật với nhiều mã duy trì xu hướng phục hồi tốt, như MWG (+4,7%), FRT (4,6%), DGW (5,2%), MSN (+2,4%), SAB (+3,3%), HPG (1,6%), NKG (1,0%), HSG (1,7%), VGS(1,8%), TLH (2,04%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng đa số duy trì sắc xanh hỗ trợ cho thị trường chung với LPB (3,5%), CTG (+1,7%), TCB (+1,5%), ACB (+1,4%), HDB (+0,8%), ...

Thị trường phân hóa mạnh trong hầu hết các nhóm ngành khác, đa số điều chỉnh tích lũy sau phiên giao dịch tăng điểm mạnh với khối lượng đột biến trước đó.

Cổ phiếu bất động sản phân hóa, đa phần giảm điểm, điều chỉnh với số ít cổ phiếu duy trì tích cực như DIG (+5,73%), DXG (+2,76%).. một số mã điều chỉnh khá mạnh như LGL (-4,66%), NBB (-3,48%), CEO (-2,46%)...

Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị ròng đạt 388,23 tỷ đồng. Mã được mua ròng nhiều nhất là SSI với 64,2 tỷ đồng tương ứng với 3,0 triệu cổ phiếu, tiếp theo là LPB với 52,8 tỷ đồng tương ứng với 3,6 triệu cổ phiếu và GAS với 41,5 tỷ đồng tương ứng với 397,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 37,8 tỷ đồng tương ứng với 640,6 nghìn cổ phiếu.

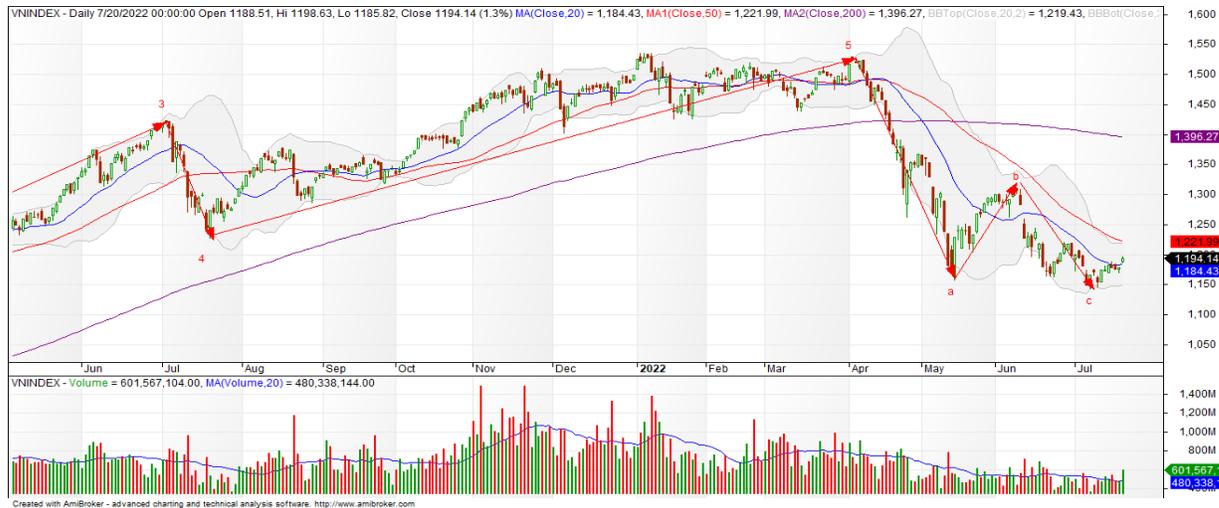
Trên thị trường phái sinh, là phiên đảo hạn, kết thúc hợp đồng kỳ hạn VN30F2207 để chuyển sang giao dịch chính trên kỳ hạn VN30F2208 với các chỉ số Phái sinh gia tăng mức độ chênh lệch âm từ -8,9 đến -11,5 điểm. Cho thấy thị trường tương lai đang kỳ vọng vào khả năng giảm điểm của VN30.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/7/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-INDEX duy trì tăng điểm phiên thứ ba tiến đến vùng tâm lý 1.200 điểm với thanh khoản giảm -6,72% so với phiên trước, nhưng lại tăng với VN30 cho thấy dòng tiền gia tăng tốt vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đồng thời áp lực điều chỉnh tích lũy với nhóm mã midcaps, smalcaps vẫn đang bình thường. Theo góc nhìn phân tích kỹ thuật, lý thuyết sóng Elliott. VN-INDEX có khả năng đang hoàn thành xong một chu kỳ đầy đủ gồm 8 sóng (1-2-3-4-5-a-b-c) kéo dài từ cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2021 khi VN-INDEX chạm ngưỡng hỗ trợ 650 điểm (trendline nối các đáy từ 2009 đến nay) cho đến nửa đầu tháng 7 năm 2022 khi VN-INDEX test thành công hỗ trợ quanh 1.140 điểm. Chúng tôi cho rằng, VN-INDEX hiện tại khá tương tự với bối cảnh của chỉ số này 4 năm trước, thời điểm giữa tháng 7 năm 2018 khi VN-INDEX tạo đáy quanh ngưỡng 880 điểm. Diễn biến sau đó của thị trường là hồi phục, cũng như giằng co và đi ngang kéo dài cho đến hết năm 2018 và cả năm 2019. Theo đó, VN-INDEX có khả năng tiếp tục xu hướng hồi phục hiện tại để hướng dần đến mục tiêu tiếp theo của chỉ số này là ngưỡng tâm lý 1.200 điểm trong thời gian tới. Trường hợp tiêu cực, nếu áp lực bán lại tăng cao thì VN-INDEX có khả năng sẽ cần kiểm tra lại lực cầu quanh ngưỡng hỗ trợ 1.140 điểm thêm lần nữa.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX kết phiên tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng kháng cự tâm lý 1.200 điểm và 1.211 điểm (giá cao nhất năm 2018). Thị trường phân hóa, độ rộng kém tích cực nghiêng về các mã midcaps, smallcaps, nhóm cổ phiếu có chất lượng kém hơn khi nhóm mã này cần điều chỉnh tích lũy để thu hút lực cầu ngắn hạn mới sau phiên tăng điểm mạnh trước đó. Lực cầu và khối lượng giao dịch gia tăng tốt ở các cổ phiếu vốn hóa lớn, với chỉ số VN30 vượt được kháng cự MA20 (1.234 điểm) tương tự như VNINDEX phiên 20/07/2022 sau khi vượt được kháng cự 1.185 điểm. Như vậy chỉ số VNINDEX và VN30 đang khá đồng thuận khi đều vượt qua xu hướng giảm giá kéo dài và vùng kháng cự ngắn hạn mạnh tương ứng với MA20 xét theo biểu đồ kỹ thuật ngày. Sau khi vượt được xu hướng giảm giá kéo dài, VN-INDEX kỳ vọng sẽ rung lắc trên vùng hỗ trợ gần nhất 1.185 điểm - 1.190 điểm và tiếp tục hướng đến vùng tâm lý 1.200 điểm - 1.211 điểm, tương ứng đỉnh giá cao nhất năm 2018. Ở vùng giá hiện tại định giá thị trường vẫn đang ở mức thấp so với trung bình nhiều năm. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét chọn lọc giải ngân, tích lũy đối với những cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng khi giá đang giảm về vùng hấp dẫn. Có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi trong trang tiếp theo để đưa ra quyết định hợp lý.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/7/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
DCM	30.65	26-28	33-35	25	4.9	117.6%	175.8%	Theo dõi chờ giải ngân
MSR	19.6	18-20	26-27	16	35.2	32.6%	399.1%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 18.8+-
DPG	43.25	40-41	48-50	37	7.3	18.8%	75.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGW	62.5	52-54	68-70	48	7.3	40.0%	144.9%	Cổ phiếu phục hồi mạnh, theo dõi chờ giải ngân
NT2	25.3	24.5-25.4	29.5-31	23	12.6	21.6%	-14.6%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 25+-
IDC	58.7	54-57	66-69	51	26.9	60.0%	49.2%	Theo dõi giải ngân khi điều chỉnh, hỗ trợ ngắn hạn 57+-

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/06/2022	GEX	22.25	18.6	22-24	20	19.62%	Nắm giữ
23/06/2022	TCH	11.85	10.55	13-13.5	10.7	12.32%	Nắm giữ
23/06/2022	MBS	20.8	16.4	20-21	19	26.83%	Nắm giữ
23/06/2022	SCR	11.3	8.89	11-11.5	10	27.11%	Nắm giữ
27/06/2022	DBC	25.45	18.55	26-28	25	37.20%	Nắm giữ
27/06/2022	TCD	11.5	10.15	13-14	10.5	13.30%	Nắm giữ
28/06/2022	EVF	10.8	9.99	13-14	10	8.11%	Nắm giữ
29/06/2022	VPI	63.5	63.2	76-78	59	0.47%	Nắm giữ
30/06/2022	BSI	25.45	22.4	29-30	23	13.62%	Nắm giữ
1/7/2022	PLC	25.3	22.2	27-28	23	13.96%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	20.75	18.2	24-26	18	14.01%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	25.6	24.3	28-29	23.4	5.35%	Nắm giữ
7/7/2022	VNM	73.2	70.7	82-83	68	3.54%	Nắm giữ
11/7/2022	SSI	21.3	20	25-27	18	6.50%	Nắm giữ
12/7/2022	ASM	14.85	13.45	16.5-17	12.5	10.41%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	23.7	22.6	28-30	20	4.87%	Nắm giữ
18/7/2022	BVH	56.7	56.6	66-70	53	0.18%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Thủ tướng: Bỏ khung giá đất là đột phá

Sáng 21/7, BCT, Ban Bí thư tổ chức hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII. Thủ tướng Phạm Minh Chính nói chủ trương bỏ khung giá đất và xây dựng cơ chế, phương pháp xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường "là điểm mới đột phá".

ADB giữ nguyên dự báo GDP Việt Nam tăng trưởng 6,5% năm nay

ADB vừa công bố báo cáo "Bổ sung triển vọng phát triển châu Á 2022", trong đó, định chế này giữ nguyên dự báo GDP Việt Nam năm nay và năm sau lần lượt tăng trưởng 6,5% và 6,7%. Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam được tính toán sẽ tăng 3,8% năm nay và 4% vào năm sau.

Tổng cục Đường bộ đề xuất giảm thuế hỗ trợ doanh nghiệp vận tải

Việc giảm VAT cho dịch vụ vận tải và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp vừa được Tổng cục Đường bộ đề xuất. Tổng cục Đường bộ còn kiến nghị báo cáo Quốc hội xem xét tiếp tục giảm thuế trong cơ cấu giá xăng dầu

Ấn định các mốc thời gian triển khai 12 dự án cao tốc Bắc - Nam

12 dự án cao tốc Bắc Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 phải được bàn giao 70% diện tích giải phóng mặt bằng trước ngày 30/11 tới. 12 dự án thành phần phải hoàn thành dự toán trước 10/12 và khởi công trước ngày 31/12 năm nay.

Giá xăng về sát 26.000 đồng một lít

Từ 15h hôm nay (07/21/2022), mỗi lít xăng giảm 2.710-3.600 đồng, các mặt hàng dầu đồng loạt giảm 1.100-2.380 đồng. Sau điều chỉnh của liên Bộ Công Thương - Tài chính, giá bán lẻ xăng E5 RON 92 về còn 25.070 đồng (giảm 2.710 đồng); còn xăng RON 95 là 26.070 đồng (giảm 3.600 đồng).

Bộ Công Thương, VCCI lên tiếng: Xăng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, lại thêm thuế môi trường

Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đang áp dụng đối với các mặt hàng xăng là 7-10%, con số tương đối lớn trong cơ cấu giá xăng dầu. Bộ Công Thương cho rằng việc giảm thuế tiêu thụ đặc biệt là cần thiết và cần sớm thực hiện rà soát, trình Quốc hội điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Bứt phá từ đầu năm, dệt may Việt Nam kiên định mục tiêu xuất khẩu 43,5 tỷ USD

Trong 6 tháng cuối năm, các doanh nghiệp dệt may tiếp tục thích ứng nhanh, kết cấu lại thị trường và thay đổi thiết bị công nghệ nhằm đáp ứng được yêu cầu cao từ các nước nhập khẩu.



TIN DOANH NGHIỆP

TPB: Lãi 6 tháng đạt 46% kế hoạch, nợ xấu tăng

Lũy kế 6 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế của TPBank gần 3.788 tỷ đồng, tăng 26% nhưng chỉ đạt 46% kế hoạch năm. Nợ xấu tăng 11%. Thu nhập lãi thuần quý 2/2022 tăng 20% so với cùng kỳ lên mức 3.034,8 tỷ đồng.

DPR: Lợi nhuận sau thuế của Cao su Đồng Phú đạt cao nhất trong 5 năm

Sau Cao su Phước Hòa, Cao su Đồng Phú là doanh nghiệp báo lãi lớn, tăng 120% trong quý II, đạt hơn 73 tỷ đồng. Đây là mức lãi cao nhất của quý II trong giai đoạn 2018 - 2022 mà doanh nghiệp này đạt được.

LienVietPostBank thắng lớn đầu tư chứng khoán, lãi 6 tháng tăng 76%

Kết thúc quý II, ngân hàng báo lãi trước thuế bán niên đạt 3.588,5 tỷ đồng, tăng 76,1%, tương đương với việc thực hiện 74,7% kế hoạch năm. Tổng nợ xấu tăng 11,2% lên 3.182,8 tỷ đồng.

Giá nguyên liệu giảm, Nhựa Bình Minh (HOSE: BMP) báo lãi quý II gấp 3,5 lần cùng kỳ

Lợi nhuận quý II tăng mạnh nhờ giá nguyên liệu nhựa giảm nhưng giá bán giữ nguyên và không tăng chiết khấu. Nửa đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tăng 11,5% và lợi nhuận gấp đôi cùng kỳ năm trước.

VND: Bán VPB mua thêm HSG, lãi quý 2 tăng trưởng 35% so với cùng kỳ năm trước

CTCP Chứng khoán VNDirect (mã VND) vừa công bố báo cáo tài chính riêng quý 2/2022 với doanh thu hoạt động đạt hơn 1.837 tỷ đồng, tăng 74% so với cùng kỳ. LNST tăng 35% so với cùng kỳ lên hơn 524 tỷ đồng.

SSI: Daiwa Securities Group Inc đăng ký mua vào hơn 77 triệu cổ phiếu SSI trị giá 1.600 tỷ đồng

Daiwa Securities Group Inc đăng ký thực hiện gần 154,5 triệu quyền mua với tỷ lệ 2:1, tương đương với số lượng cổ phiếu đăng ký mua là hơn 77,2 triệu cổ phiếu SSI.

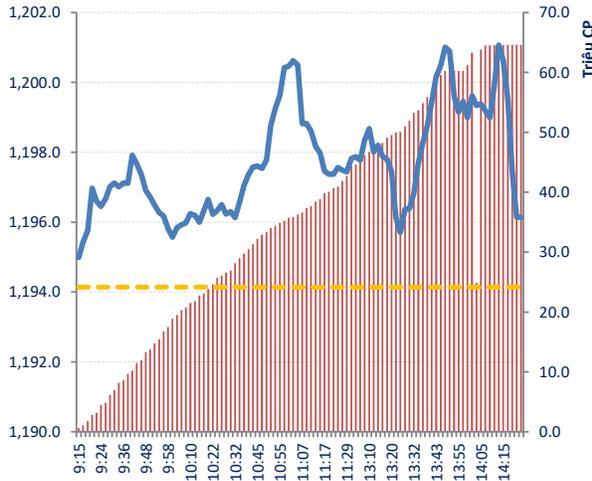
Vĩnh Hoàn lãi quý II gấp hơn 3 lần cùng kỳ

Vĩnh Hoàn công bố BCTC hợp nhất quý II với doanh thu 4.226 tỷ đồng, tăng 80,4% so với cùng kỳ; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ 784 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ.

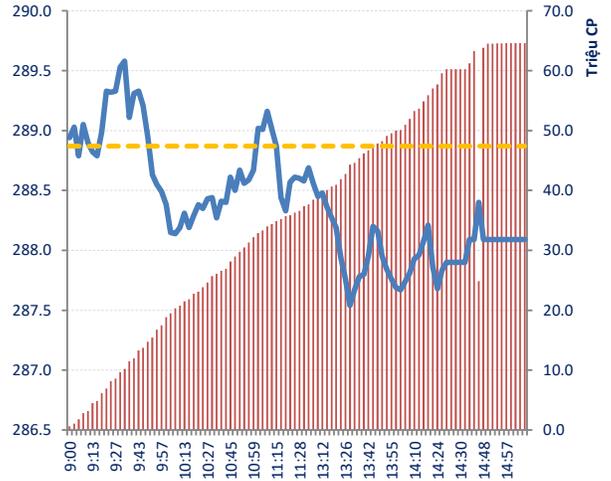


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



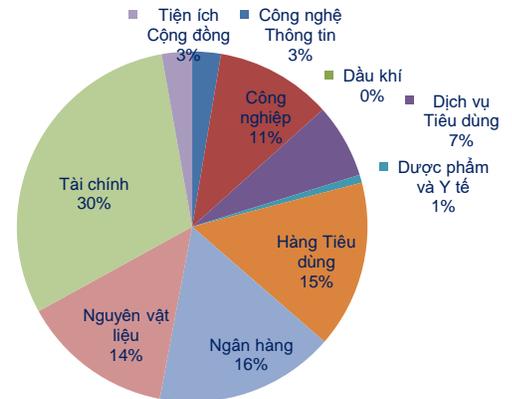
KLGD và HNX-Index trong phiên



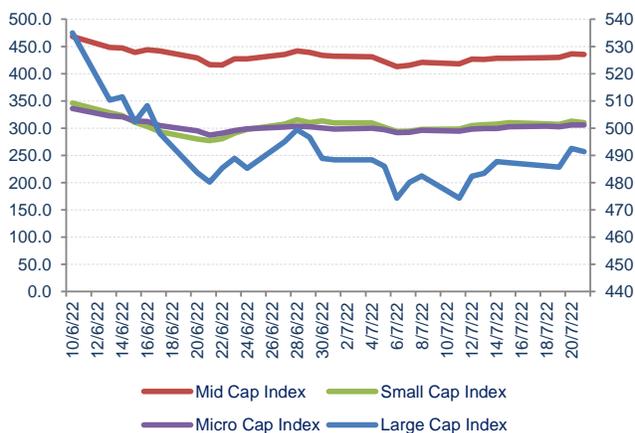
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



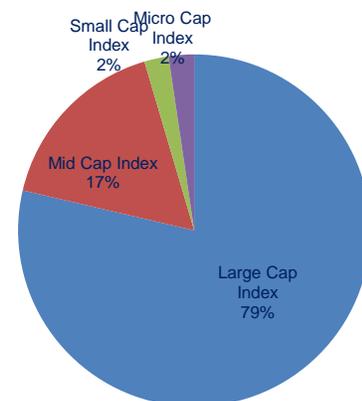
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	LPB	3,605,500	E1VFN30	789,800
2	SSI	3,006,700	VHM	640,600
3	CTG	1,065,300	FUEVFN30	635,700
4	FUESSVFL	996,200	HQC	458,800
5	VND	759,200	SHB	420,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	56,500	PVS	117,000
2	HHG	55,000	BVS	68,800
3	PVI	23,400	NVB	13,400
4	APS	20,900	PVC	10,000
5	SD5	10,900	TNG	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	10.85	11.10	↑ 2.30%	2,965,710
HPG	22.35	22.70	↑ 1.57%	2,304,340
STB	23.05	23.10	↑ 0.22%	1,794,540
VND	19.20	19.15	↓ -0.26%	1,601,020
SSI	21.30	21.30	→ 0.00%	1,599,677

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.50	15.40	↓ -0.65%	17,462,442
CEO	32.50	31.70	↓ -2.46%	6,023,042
PVS	23.90	23.70	↓ -0.84%	4,000,584
HUT	29.70	28.90	↓ -2.69%	3,938,176
AMV	8.50	8.50	→ 0.00%	3,379,388

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	58.80	62.90	4.10	↑ 6.97%
CLW	26.85	28.70	1.85	↑ 6.89%
OPC	25.27	27.00	1.73	↑ 6.86%
ABR	11.10	11.85	0.75	↑ 6.76%
VRC	10.40	11.10	0.70	↑ 6.73%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
V12	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
MED	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
VDL	21.00	23.10	2.10	↑ 10.00%
CLM	46.00	50.60	4.60	↑ 10.00%
TET	31.20	34.30	3.10	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BAF	36.85	34.30	-2.55	↓ -6.92%
CIG	7.40	6.89	-0.51	↓ -6.89%
GMC	24.90	23.20	-1.70	↓ -6.83%
DTT	13.60	12.75	-0.85	↓ -6.25%
PSH	12.10	11.35	-0.75	↓ -6.20%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHS	27.10	24.40	-2.70	↓ -9.96%
TSB	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%
DHP	12.50	11.30	-1.20	↓ -9.60%
TTC	14.10	12.80	-1.30	↓ -9.22%
TPP	13.20	12.00	-1.20	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	2,965,710	10.1%	531	20.9	2.1
HPG	2,304,340	41.0%	6,143	3.7	1.0
STB	1,794,540	11.6%	2,089	11.1	1.2
VND	1,601,020	12.3%	412	46.4	1.4
SSI	1,599,677	13.0%	1,229	17.3	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	17,462,442	25.5%	1,916	8.0	0.8
CEO	6,023,042	4.3%	571	55.6	2.3
PVS	4,000,584	5.3%	1,409	16.8	0.9
HUT	3,938,176	4.8%	549	52.7	2.6
AMV	3,379,388	8.0%	921	9.2	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TNC	↑ 7.0%	19.1%	3,354	18.8	3.6
CLW	↑ 6.9%	9.7%	1,608	17.8	1.8
OPC	↑ 6.9%	17.5%	4,877	5.5	0.9
ABR	↑ 6.8%	8.4%	1,085	10.9	0.9
VRC	↑ 6.7%	0.0%	7	1,679.7	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
V12	↑ 10.0%	5.9%	872	16.4	1.0
MED	↑ 10.0%	-3.3%	(666)	-	0.9
VDL	↑ 10.0%	1.8%	245	94.2	1.6
CLM	↑ 10.0%	17.5%	3,046	16.6	2.7
TET	↑ 9.9%	11.0%	2,050	16.7	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	3,605,500	23.2%	3,208	4.6	1.1
SSI	3,006,700	13.0%	1,229	17.3	1.4
CTG	1,065,300	12.9%	2,558	10.7	1.3
FUESSVFL	996,200	N/A	N/A	N/A	N/A
VND	759,200	12.3%	412	46.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	56,500	13.2%	1,985	29.6	3.3
HHG	55,000	-31.1%	(1,905)	-	0.6
PVI	23,400	11.4%	3,856	11.4	1.3
APS	20,900	62.2%	9,839	1.5	0.9
SD5	10,900	4.5%	829	11.2	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	343,107	20.8%	4,853	14.9	2.9
VIC	261,255	-1.6%	(624)	-	2.0
VHM	256,472	31.4%	8,807	6.7	1.9
GAS	199,242	19.6%	5,262	19.8	3.6
BID	184,636	13.3%	2,273	16.1	2.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,900	9.0%	1,373	60.4	3.9
THD	20,090	12.4%	2,155	26.6	3.1
IDC	19,371	13.2%	1,985	29.6	3.3
NVB	16,426	-1.9%	(189)	-	3.8
BAB	13,746	8.1%	905	18.7	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
NVT	3.15	-11.8%	(632)	-	1.9
PET	3.00	11.7%	2,493	14.1	1.6
FCN	2.84	3.0%	609	24.3	0.8
CKG	2.81	14.8%	1,861	9.8	1.5
JVC	2.81	-6.7%	(266)	-	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PBP	2.67	11.6%	1,553	7.7	0.9
SDA	2.32	9.7%	849	18.1	1.5
APS	2.19	62.2%	9,839	1.5	0.9
VGS	2.18	16.9%	3,300	5.2	0.8
VC9	2.16	3.1%	155	63.2	12.0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	53.89	19.4%	2,666	5.5	1.0
VHM	27.08	31.4%	8,807	6.7	1.9
VCI	12.22	18.0%	2,076	18.7	1.8
CTD	9.18	0.0%	(14)	-	0.6
HAH	8.92	33.2%	8,145	8.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	-65.68	19.6%	5,262	19.8	3.6
SSI	-62.63	13.0%	1,229	17.3	1.4
LPB	-51.84	23.2%	3,208	4.6	1.1
STB	-35.50	11.6%	2,089	11.1	1.2
DPM	-33.62	49.4%	12,931	3.7	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	3.58	25.3%	3,450	18.6	2.1
SCR	2.90	4.1%	570	19.8	0.8
LDG	2.87	4.5%	596	16.8	0.7
GVR	2.16	8.5%	1,123	21.1	1.8
VCB	2.07	20.8%	4,853	14.9	2.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	-5.23	13.3%	2,273	16.1	2.1
TNH	-4.74	18.6%	2,823	16.4	2.9
BVH	-3.24	2.5%	738	76.9	1.9
HPG	-2.45	41.0%	6,143	3.7	1.0
E1VFN30	-2.02	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	34.45	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	28.85	22.4%	3,623	7.1	1.4
FUEVFVND	26.99	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	26.67	22.7%	3,891	7.2	1.3
STB	24.96	11.6%	2,089	11.1	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	-47.66	19.4%	2,666	5.5	1.0
MWG	-17.07	25.3%	3,450	18.6	2.1
FUESSVFL	-16.69	N/A	N/A	N/A	N/A
PNJ	-12.38	19.6%	5,460	20.9	3.5
DXG	-12.23	6.7%	1,502	14.8	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	64.66	13.0%	1,229	17.3	1.4
LPB	52.10	23.2%	3,208	4.6	1.1
GAS	40.95	19.6%	5,262	19.8	3.6
DPM	38.09	49.4%	12,931	3.7	1.5
MWG	36.95	25.3%	3,450	18.6	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-37.86	31.4%	8,807	6.7	1.9
FUEVFVND	-16.52	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFN30	-14.43	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	-13.14	20.8%	4,853	14.9	2.9
CTD	-9.39	0.0%	(14)	-	0.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn